

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ. H
TỈNH K. T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2021

Vv: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H, TỈNH K. T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Quách Văn N.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn H
2. Ông Vũ Văn L

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Đức H - Thư ký TAND huyện Đ. H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H tham gia phiên tòa:* Bà Đàm Thị B – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 49/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tạ Minh Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2021, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tạ Minh Đ trình bày: Anh với Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào ngày 21/12/2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng sau đó hai bên tự nguyện đến với nhau, không ai ép buộc ai. Anh Đ, chị L được gia đình hai bên đứng ra tổ chức đám cưới. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 10 năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung trong việc làm ăn và nuôi dạy con cái. Chị L không lo cho gia đình và con cái. Ngoài mâu thuẫn vợ chồng thì chị L có mối quan hệ với người đàn ông khác. Mặc dù, anh Đ đã khuyên can nhưng chị L không nghe. Từ đầu năm 2021 đến nay

anh, chị sống ly thân. Không ai còn quan tâm đến ai. Kinh tế của ai người ấy tự lo. Mỗi quan hệ vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên là 02 cháu là Tạ Minh Đ, sinh ngày 19/11/2012 và cháu Tạ Minh Đăng Kh, sinh ngày 14/10/2017. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị L kể từ khi thụ lý đến khi xét xử chị L không có mặt ở địa phương và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tạ Minh Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H tham gia phiên tòa:

**Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T đề nghị HĐXX;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Minh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao 02 cháu Tạ Minh Đ, sinh ngày 19/11/2012 và cháu Tạ Minh Đăng Kh, sinh ngày 14/10/2017 cho anh Tạ Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được hoặc có tài sản tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Anh Tạ Minh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L và xin được nuôi dưỡng 02 cháu Tạ Minh Đ, sinh ngày 19/11/2012 và cháu Tạ Minh Đăng Kh, sinh ngày 14/10/2017. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn chị Nguyễn Thị L cư trú tại thôn 6, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Thị L thường xuyên vắng mặt ở địa phương. Tòa án đã tiến hành xác minh chị L vẫn thường trú tại địa phương và không chuyển khẩu đi đâu nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập chị Nguyễn Thị L lên làm việc nhưng không có kết quả. Ngày 23/6/2021 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ nhất Tòa án phải hoãn phiên tòa vì vắng mặt chị Nguyễn Thị L. Tại phiên tòa lần hai, chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử là phù hợp.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Minh Đ và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2011 tại UBND xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T là hôn nhân hợp pháp. Anh, chị đến với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc ai.

Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình xuất phát từ việc bất đồng về quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Theo anh Đ ngoài mâu thuẫn vợ chồng thì chị L còn có mối quan hệ với người đàn ông khác. Từ đầu năm 2021 đến nay anh chị sống ly thân. Không ai còn quan tâm đến ai. Kinh tế của ai người ấy tự lo. Chính những mâu thuẫn kéo dài đó khiến mối quan hệ vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn nên anh Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L. HĐXX xét thấy, yêu cầu của anh Tạ Minh Đ xin ly hôn chị Nguyễn Thị L là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 51 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng anh Tạ Minh Đ và chị Nguyễn Thị L có 02 con

chung tên là: Tạ Minh Đ, sinh ngày 19/11/2012 và cháu Tạ Minh Đăng Kh, sinh ngày 14/10/2017. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, 02 cháu là Tạ Minh Đ và cháu Tạ Minh Đăng Kh từ khi vợ chồng anh Đ, chị L sống ly thân đến nay 02 cháu vẫn ở với anh Đ, một mình anh lo lắng chăm sóc cho hai cháu. Anh Đ vẫn đảm bảo cho 02 cháu cuộc sống phát triển đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Bản thân anh Đức hiện đang làm nghề sửa chữa xe máy và có mức thu nhập ổn định 10.000.000 đ/tháng.

Trong khi đó, chị Nguyễn Thị L quá trình giải quyết vụ án chị không hợp tác với Tòa án. Nhiều lần Tòa án triệu tập để làm việc và hòa giải nhưng chị không lên nhưng không đưa ra lý do chính đáng vì sao vắng mặt. Bản thân chị L suốt thời gian sống ly thân đến nay anh Đ một mình nuôi con nhưng chị cũng không quan tâm thăm hỏi các cháu và không chu cấp tiền cho anh Đ để nuôi dưỡng các cháu. Quá trình giải quyết vụ án cháu Tạ Minh Đ có viết bản tự khai trong nội dung bản tự khai cháu thể hiện nguyện vọng được ở với bố Tạ Minh Đ.

Do đó, HĐXX xét thấy cần thiết giao 02 cháu là Tạ Minh Đ, sinh ngày 19/11/2012 và cháu Tạ Minh Đăng Kh, sinh ngày 14/10/2017 cho anh Tạ Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được hoặc có tài sản tự nuôi mình là hoàn toàn phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con anh Tạ Minh Đ không yêu cầu chị Nguyễn Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên chấp nhận yêu cầu này của anh Tạ Minh Đ. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở phù hợp quy định tại Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Anh Tạ Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] *Về án phí*: Anh Tạ Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51; Điều 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân và gia đình. Điều 6; Điều 18; khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Minh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Minh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao 02 cháu là Tạ Minh Đ, sinh ngày 19/11/2012 và cháu Tạ Minh Đăng Kh, sinh ngày 14/10/2017 cho anh Tạ Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 cháu cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được hoặc có tài sản tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Tạ Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Tạ Minh Đ phải chịu số tiền **300.000 đ** (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T là **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/0004511 ngày 07/4/2021 nên anh Đ không phải nộp nữa.

5. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (09/8/2021) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đ. N;
- TAND Tỉnh K. T;
- VKSND huyện Đ. H;
- Chi cục THADS huyện Đ. H;
- UBND xã Đ. L;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quách Văn N

